TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2017/DS-ST
Ngày: 29-9-2017
V/v tranh chấp "hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Vũ

2. Ông Nguyễn Văn Chót

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Phú Quí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp "hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2422/2017/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị B – sinh năm: 1958, Có mặt.
Địa chỉ: 121/2 ấp ĐA, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: Nguyễn Thị L – sinh năm: 1975, Vắng mặt.
Địa chỉ: 176/1 ấp ĐA, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Trần Hoàng V – sinh năm: 1976, Có mặt.
Địa chỉ: 176/1 ấp ĐA, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre.
- Nguyễn Minh R, sinh năm: 1958, địa chỉ: 121/2 ấp ĐA, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ông R ủy quyền cho bà Nguyễn Thị B tham gia tố tụng (theo văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 8 năm 2017). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29-6-2017 và trong quá trình tố tụng tại tòa nguyên đơn đồng thời là người được người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh R ủy quyền bà Nguyễn Thị B trình bày:

Chị Nguyễn Thị L có vay tiền của bà nhiều lần. Cụ thể như sau:

Vào ngày 15-01-2016 (âm lịch) chị L vay số tiền 70.000.000 đồng.

Vào ngày 24-01-2016 (âm lịch) chị L vay số tiền 50.000.000 đồng.

Vào ngày 01-02-2016 (âm lịch) chị L vay số tiền 15.000.000 đồng.

Vào ngày 17-3-2016 (âm lịch) chị L vay số tiền 40.000.000 đồng.

Việc cho vay hai bên không làm hợp đồng do chị L chỉ hứa một tháng sẽ trả đủ tiền cho bà nhưng chị L có viết vào sổ tiền vay không ký tên nhưng có ghi là vợ V (chín), chín là tên thường gọi ở nhà của chị L. Khi vay thì hai bên có thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng nhưng chị L chưa trả lãi cho bà.

Ngày 25-01-2016 chị L nhờ bà hốt hai dây hụi 2.000.000 đồng mà bà tham gia chơi với số tiền là 40.000.000 đồng, bà giao cho chị L số tiền này, khi tới ngày đóng hụi chị L sẽ giao tiền cho bà đi đóng hụi, bà hốt hụi đầu 40.000.000 đồng nhưng phải đóng 60.000.000 đồng tiền hụi chết, chị L chỉ đóng được ba tháng hụi chết, mỗi tháng là 4.000.000 đồng thì không đóng nữa và bà phải đóng phần tiền hụi còn lại là 48.000.000 đồng, đến nay hụi đã mãn nên chị L còn nợ bà 48.000.000 đồng.

Khi giao tiền hụi không ghi biên nhận nhưng chị L có ghi cho bà một tờ giấy có nội dung "hụi 2.000.000 đồng ngày 25/giêng 2 phần, còn lại 15 người chết. 1. đóng 4.000 ngày 25-02-2016. 2. đóng. 4.000 đồng ngày 25.3.2016. 3. đóng 4.000 ngày 25-4-2016" nhưng không ký tên.

Tổng số tiền chị L nợ của bà là 223.000.000 đồng. Chị L vay tiền và nhờ bà hốt hụi dùm để trả tiền ngân hàng và hứa trong vòng một tháng sẽ trả lại tiền cho bà nhưng không trả. Sau đó bà có đến nhà chị L để yêu cầu trả số tiền nợ trên thì anh V là chồng chị L có trả cho bà số tiền 40.000.000 đồng nên còn lại số nợ là 183.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 28-12-2016 tại Ủy ban nhân dân xã Quới Điền chị L và anh V thừa nhận số nợ của bà là 193.000.000 đồng (gồm 183.000.000 đồng nợ gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi) và hứa trả cho bà mỗi tháng 1.000.000 đồng, sau đó anh V có trả cho bà được 6.000.000 đồng thì không trả nữa nhưng bà chỉ khởi kiện số tiền vốn là 183.000.000 đồng.

Số tiền bà cho vay, việc bà chơi hụi là tiền riêng của bà, sau khi chị L không đóng hụi bà lấy tiền riêng của bà để đóng hụi không phải là tài sản chung của bà và chồng là ông Nguyễn Minh R.

Khi bà giao tiền thì chị L là người nhận tiền, cũng có lúc chị L và anh V đến nhà bà nhận tiền, chị L và anh V là vợ chồng nên bà yêu cầu chị L, anh V có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà.

Tại tòa bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu chị L và anh V có nghĩa vụ liên đới trả số tiền cho bà số nợ gốc là 183.000.000 đồng, tiền lãi là 0,75%/tháng tính, bà chỉ yêu cầu tính lãi từ tháng 6/2017 đến nay là 04 tháng là 5.490.000 đồng và rút yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi là 13.725.000 đồng.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 24-8-2017 và tại tòa anh Trần Hoàng V trình bày:

Anh không biết việc vợ anh là chị L có vay mượn tiền hay nhờ bà B hốt hụi, vợ anh cũng không mang tiền về sử dụng vào việc chung trong gia đình. Anh thừa nhận sau khi vợ anh gây nợ và đi làm thì mẹ anh có cho anh số tiền 40.000.000 đồng để trả cho bà B, việc trả 40.000.000 đồng có ghi sổ, trả vào ngày 09-5-2016.

Sau đó bà B có yêu cầu Ủy ban nhân xã Quới Điền giải quyết số nợ giữa bà B và vợ anh. Tại buổi hòa giải ngày 28-12-2016 hai bên có thỏa thuận là mỗi tháng vợ anh sẽ trả cho bà B 1.000.000 đồng. Sau khi hòa giải và mỗi tháng anh có đến nhà bà B trả cho bà B 1.000.000 đồng và đã trả được 6.000.000 đồng. Tại buổi hòa giải anh có tham dự và ký tên vào biên bản hòa giải.

Anh không đồng ý với yêu cầu của bà B về việc yêu cầu anh liên đới với vợ anh trả cho bà B số tiền nợ gốc 183.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, số nợ đó sẽ do vợ anh tự trả cho bà B.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn Nguyễn Thị B thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Hoàng V chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B, buộc chị L và anh V trả cho bà B số tiền nợ gốc là 183.000.000 đồng và phần tiền lãi theo quy định của Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị B thì nguyên đơn Nguyễn Thị B yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Hoàng V trả tiền vay, tiền nợ hụi nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Hoàng V đăng ký thường trú tại 176/1 ấp Quí Đức A, xã Quới Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre; theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thị L đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Nguyễn Thị L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân

sự.

[4] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Thị L vắng mặt nhưng qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ chứng tỏ giữa nguyên đơn Nguyễn Thị B với bị đơn Nguyễn Thị L có giao kết hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi, việc giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 463, 471 Bộ luật dân sự.

[5] Qua biên bản hòa giải ngày 28-12-2016 tại Ủy ban nhân dân xã Quới Điền có căn cứ số tiền nợ vay và hụi chị L còn nợ bà B là 193.000.000 đồng, bà B trình bày trong số tiền 193.000.000 đồng có 183.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi. Chị L hứa trả mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng chỉ trả đến tháng 5/2017 thì không tiếp tục trả như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 466 Bộ luật dân sự nên bà B khởi kiện yêu cầu chị L trả số tiền 183.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Tại tòa bà B rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi, chỉ yêu cầu tính lãi từ tháng 6-2017 đến khi tòa án xét xử là 04 tháng với lãi suất là 0,75%/tháng là phù hợp vời Điều 468 Bộ luật dân sự nên được tòa án chấp nhận, buộc chị L trả số tiền lãi là 5.490.000 đồng.

[7] Việc anh V không đồng ý liên đới cùng chị L trả số tiền vay, nợ hụi cho bà B vì cho rằng anh không biết việc chị L vay tiền, chơi hụi và chị L không mang tiền về sử dụng chung. Tuy nhiên anh V thừa nhận anh và chị L là vợ chồng, anh có tham gia và ký tên vào biên bản hòa giải tại xã Quới Điền, có trả tiền cho bà B nên căn cứ theo Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình việc bà B yêu cầu anh V phải có nghĩa vụ cùng trả nợ với chị L số tiền 183.000.000 đồng, tiền lãi là 5.490.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Chị L và anh V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 471, 357 Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ - CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, điểm b Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị B. Buộc chị Nguyễn Thị L và anh Trần Hoàng V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 188.490.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chị Nguyễn Thị L và anh Trần Hoàng V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền lãi là 13.725.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Hoàng V có nghĩa vụ liên đới nộp 9.424.500 đồng.

Bà Nguyễn Thị B được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.055.000 đồng theo biên lai thu số 0010668 ngày 29 tháng 6 năm 2017.

Duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 2545/2017/QĐ-BPKCTT ngày 26-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre để đảm bảo thi hành án.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị B số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng) đã nộp để thực hiện biện pháp bảo đảm theo giấy nộp tiền vào tài khoản số 7105215023133 ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Thạnh Phú khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Viện KSND huyện Thạnh Phú;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;*
- *Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Thanh Minh